

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12- 6 - 2024

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thanh Hương
2. Ông Phạm Quốc Vượng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 299/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/QĐST-HPT ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 02, ấp 10, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Lâm P, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 02, ấp 10, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2024, bà Lâm Thị Thúy trình bày:

Bà Lâm Thị T và ông Lâm P tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B (nay là huyện H, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 036/KH, quyển số 01/03, ngày 14/03/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 08 năm thì mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông P thường xuyên nhậu nhẹt, không chịu lo làm ăn kinh tế gia đình khiến cho vợ chồng thường xuyên cãi

vã nhau, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm liền nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Đến nay nhận thấy vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Lâm P.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung Lâm Thị Ngọc Tr, sinh năm: 2005; Lâm Thị Ngọc L, sinh năm: 2008 và Lâm Thị Ngọc H, sinh năm: 2016. Bà T yêu cầu được nuôi 02 con chung cháu L và cháu H. Đối với cháu Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu.

Về cấp dưỡng: Bà Lâm Thị T không yêu cầu ông Lâm P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lâm P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không thu thập được ý kiến ông P.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ nhưng bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà T được ly hôn với ông Lâm P. Giao 02 con chung cho cháu L và cháu H cho bà T nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lâm Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lâm P có nơi cư trú tại xã T, huyện Hớn Quản, nên đây là vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bà T và ông P được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, bà T có đơn xin vắng mặt, ông P vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng

mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông P tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B (nay là huyện H), Bình Phước nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Theo lời trình bày của bà T thì do ông P thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình, vợ con khiến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bà T thấy vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn. Ông P đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc, không thể hiện muốn níu kéo hôn nhân giữa hai vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng không cần thiết phải kéo dài cuộc hôn nhân này. Bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung Lâm Thị Ngọc Tr, sinh năm: 2005; Lâm Thị Ngọc L, sinh năm: 2008 và Lâm Thị Ngọc H, sinh năm: 2016. Khi ly hôn, cháu Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung cháu L và cháu H. Xét thấy, cháu L và cháu H đều có nguyện vọng được ở với bà T, ông P không thể hiện có nguyện vọng muốn trực tiếp nuôi con nên cần chấp nhận giao 02 con chung cháu L và cháu H cho bà T nuôi dưỡng. Yêu cầu về phần này của bà T được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lâm Thị T và ông Lâm P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 036/KH, quyền số 01/03, ngày 14/03/2003 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B (nay là huyện H), Bình Phước không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 02 con chung Lâm Thị Ngọc L, sinh năm: 2008 và Lâm Thị Ngọc H, sinh năm: 2016 cho bà Lâm Thị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, người trực tiếp nuôi con có thể yêu cầu cấp dưỡng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0014876 ngày 07/12/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải